

Số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Rên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Phan Thị Kim Loan

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm Sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 16/03/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐST-DS ngày 01/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-DS ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc P – Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V – Chi nhánh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V).

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc P: ông Trần Trung N, sinh năm 1989 (Có mặt); chức vụ Chuyên viên – Phòng hỗ trợ hoạt động.

Địa chỉ: số 368 Đại lộ Đồng Khởi, KP1, phường 4, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Đặng Duy B, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đoàn biên phòng Hàm L (xã D, huyện E, tỉnh Bến Tre).

**NHẬN THẤY**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trung N trình bày:*

Vào ngày 17/11/2016, ông Đặng Duy B ký với Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V – chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng) hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT để vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm thiết bị gia đình, sửa chữa nhà ở, thời hạn cho vay 60 tháng (từ ngày 17/11/2016 đến ngày 15/8/2021), kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng theo từng khế ước nhận nợ; kỳ hạn trả lãi: hàng tháng theo dư nợ thực tế. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, vào ngày 10 định kỳ hàng tháng ông B có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Sau khi vay tiền, ông B thanh toán đúng thỏa thuận với Ngân hàng đến ngày 10/11/2018. Bắt đầu từ ngày 10/12/2018 ông B không thực hiện đúng với cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016. Tính đến ngày 12/02/2020 ông B chỉ thanh toán được số tiền gốc cho Ngân hàng là 84.550.000 đồng. Ngân hàng nhiều lần gửi Thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp với ông B, tạo điều kiện cho ông B thanh toán nợ nhưng ông B không hợp tác.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn với tổng số tiền tính đến ngày 12/02/2020 là 136.182.475 đồng. Trong đó: nợ gốc 115.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn 16.804.623 đồng, tiền lãi chậm thanh toán gốc (tiền lãi quá hạn): 3.032.817 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán tiền lãi là 895.035 đồng; Đồng thời Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V được tiếp tục tính tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 từ ngày 13/02/2020 cho đến khi ông B thanh toán xong nợ vay.

Tại Tòa phía nguyên đơn không yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tiền lãi là 895.035 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông Đặng Duy B nhưng ông B không tham gia tố tụng và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri:

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như có ra thông báo thụ lý gửi cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn, có tổ chức hòa giải và thu thập chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, xét xử đúng thẩm quyền, đúng thành phần. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa tuân thủ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật

tổ tụng dân sự; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn ông B thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền như sau: tiền nợ gốc 115.450.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 16.804.623 đồng; Đồng thời Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V được tiếp tục tính tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 từ ngày 13/02/2020 cho đến khi ông B thanh toán xong nợ vay.

Đối với khoản tiền tiền lãi chậm thanh toán tiền lãi là 895.035 đồng Ngân hàng do ông N có ý kiến rút lại yêu cầu này nên đề nghị Tòa án ghi nhận; Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của Ngân hàng đòi ông B thanh toán khoảng tiền lãi chậm thanh toán gốc (có lúc Ngân hàng gọi là số tiền lãi phạt gốc, lúc Ngân hàng gọi là tiền lãi quá hạn) với số tiền là 3.032.817 đồng vì tại hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 không có thỏa thuận vấn đề này, phía Ngân hàng cũng không có Thông báo chuyển nợ quá hạn khi ông B chậm thanh toán tiền nợ lãi.

Từ các lời trình bày trên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, kết quả tranh luận - Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:* Ông Đặng Duy B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Văn bản triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Xét việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn với tổng số tiền tính đến ngày 12/02/2020 là 135.287440đ. Trong đó: tiền nợ gốc là 115.450.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.804.623 đồng, tiền lãi quá hạn là: 3.032.817 đồng; Đồng thời Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V được tiếp tục tính tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 từ ngày 13/02/2020 cho đến khi ông B thanh toán xong nợ vay- Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 được xác lập giữa Ngân hàng và ông B là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối ép buộc nên có hiệu lực thi hành với các bên;

[2] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 được xác lập giữa Ngân hàng và ông B, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/11/2016; biên bản làm việc ngày 25/10/2018, 15/8/2019, 05/12/2019 có cơ sở xác định vào ngày 17/11/2016, ông Đặng Duy B ký với Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V – chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng) hợp đồng

tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT để vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm thiết bị gia đình, sửa chữa nhà ở, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng theo từng khế ước nhận nợ; kỳ hạn trả lãi: hàng tháng theo dư nợ thực tế. Sau khi nhận tiền vay, ông B thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi đúng cam kết đến ngày 10/11/2018. Từ ngày 10/12/2018 ông B không thực hiện đúng với cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016. Tính đến ngày 12/02/2020 ông B chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 84.550.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 115.450.000 đồng, lãi trong hạn 16.804.623 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.032.817 đồng (Thời gian tính tiền lãi từ ngày 10/12/2018 đến ngày 12/02/2020); Đồng thời Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V được tiếp tục tính tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 từ ngày 13/02/2020 cho đến khi ông B thanh toán xong nợ vay là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét điều khoản thỏa thuận tại mục 4.5 Điều 4 hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 về việc Ngân hàng có quyền yêu cầu ông B thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền lãi - số tiền phạt - 895.035 đồng là không đúng với quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không có giá trị thi hành. Tuy nhiên tại Tòa, Ngân hàng đã có sự thay đổi ý kiến không yêu cầu ông B thanh toán khoảng tiền lãi do chậm thanh toán lãi (số tiền 895.035 đồng) – Ý kiến này của Ngân hàng là đúng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Tòa án bác yêu cầu của Ngân hàng về việc đòi ông B thanh toán cho ngân hàng tiền lãi chậm thanh toán gốc theo thỏa thuận (tiền lãi quá hạn): 3.032.817 đồng là không có căn cứ. Bởi: Tại Điều 2, Điều 5 hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016 đôi bên có thỏa thuận vấn đề này; Ông B đương nhiên có nghĩa vụ phải chịu tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận một khi chậm thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng; Số tiền 3.032.817 đồng được Ngân hàng tính trên cơ sở áp dụng mức lãi suất (12%/năm) là không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng; Hơn nữa vào tháng 8, tháng 12 năm 2019 Ngân hàng có lập biên bản làm việc với ông B, ông B cam kết thanh toán các khoảng tiền vay còn nợ Ngân hàng nhưng sau đó thì không thực hiện. Các đề nghị khác của vị đại diện viện kiểm sát cùng quan điểm Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm ( $135.287.440đ \times 5\%$ ) = 6.764.372đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông B phải nộp số tiền án phí là 6.764.372đ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các các Điều 463 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V. Buộc Đặng Duy B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V – (Chi nhánh Bến Tre làm đại diện nhận) số tiền 135.287.440đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc: 115.450.000đ (Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng);

- Tiền lãi trong hạn: 16.804.623đ (Mười sáu triệu, tám trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm hai mươi ba đồng);

- Tiền lãi quá hạn: 3.032.817đ (Ba triệu, không trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm mười bảy đồng);

Ông Đặng Duy B có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/02/2020 cho đến khi ông Đặng Duy B trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V với mức lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng số 1302-16/HĐTD-BT ngày 17/11/2016.

### 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Duy B phải nộp số tiền án phí 6.764.372đ (Sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi hai đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.405.000đ (Ba triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009185 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Chi Cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Lưu.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Rẻn**